

DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ
ĐIỀU TRA QUỐC GIA NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
1. KHUYẾT TẬT VÀ CÁC ĐẶC TRƯNG NHÂN KHẨU HỌC CỦA HỘ GIA ĐÌNH		
1.1 Tỷ lệ người khuyết tật từ 2 tuổi trở lên	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
1.2 Tỷ lệ khuyết tật theo phương pháp đo lường khuyết tật và các đặc trưng cá nhân (18 tuổi trở lên)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
1.3 Tỷ lệ khuyết tật của trẻ em	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc	2016
1.4 Tỷ lệ người không khuyết tật sống trong các hộ gia đình có ít nhất một người khuyết tật (WG-SS)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
1.5 Tỷ lệ người không khuyết tật sống trong các hộ gia đình có ít nhất một người khuyết tật (WG-ES)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
1.6 Tỷ lệ khuyết tật của người từ 18 tuổi trở lên theo các chức năng	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
(WG-SS)	XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Chức năng khuyết tật	
1.7 Tỷ lệ khuyết tật của người từ 18 tuổi trở lên theo các chức năng (WG-ES)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Chức năng khuyết tật	2016
1.8 Tỷ lệ khuyết tật của trẻ từ 2-17 tuổi theo các chức năng	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Chức năng khuyết tật	2016
1.9 Tỷ lệ khuyết tật theo các mức độ khuyết tật của người từ 18 tuổi trở lên	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Mức độ khuyết tật	2016
1.10 Tỷ lệ người từ 18 tuổi trở lên có khó khăn khi đi bộ khi sử dụng công cụ trợ giúp và khi không sử dụng	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Nhóm tuổi	2016
1.11 Tỷ lệ người từ 18 tuổi trở lên khuyết tật vận động sử dụng công cụ hỗ trợ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Nhóm tuổi; Loại công cụ hỗ trợ	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
1.12 Số nhân khẩu bình quân hộ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Học vấn của chủ hộ; Nhóm mức sống	2016
1.13 Tình trạng hôn nhân của dân số từ 15 tuổi trở lên theo tình trạng khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc của chủ hộ; Học vấn của chủ hộ; Hộ nghèo theo phân loại tại địa phương; Nhóm mức sống; Loại tình trạng hôn nhân	2016
1.14 Tỷ lệ trẻ em từ 0-17 tuổi có bố mẹ sống trong cùng hộ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc của chủ hộ; Học vấn của chủ hộ; Hộ nghèo theo phân loại tại địa phương; Nhóm mức sống; Loại tình trạng hôn nhân	2016
1.15 Tỷ lệ trẻ em từ 0-4 tuổi có giấy khai sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc của chủ hộ; Học vấn của chủ hộ; Hộ nghèo theo phân loại tại địa phương; Nhóm mức sống	2016
1.16 Số người trong độ tuổi lao động bình quân hộ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc của chủ hộ; Học vấn của chủ hộ; Hộ nghèo theo phân loại tại địa phương; Nhóm mức sống	2016
1.17 Cơ cấu chủ hộ theo tình trạng khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc của chủ hộ; Học vấn của chủ hộ; Hộ nghèo theo phân loại tại địa phương; Nhóm mức sống	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
1.18 Cơ cấu chủ hộ theo giới tính và tình trạng khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc của chủ hộ; Học vấn của chủ hộ; Hộ nghèo theo phân loại tại địa phương; Nhóm mức sống; Tình trạng khuyết tật	2016
1.19 Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi	Tuổi; Nhóm tuổi; Giới tính	2016
1.20 Cơ cấu hộ theo một số đặc trưng	Giới tính chủ hộ; Vùng KT-XH; Thành thị/Nông thôn; Quy mô hộ; Học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ	2016
2. GIÁO DỤC		
2.1 Tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên biết chữ theo tình trạng khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và lao động; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật; Tình trạng khuyết tật	2016
2.2 Tỷ lệ dân số 5-24 tuổi đang đi học được miễn giảm học phí theo tình trạng khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật; Tình trạng khuyết tật	2016
2.3 Cơ cấu người khuyết tật 5-24 tuổi theo loại trường lớp đang theo học	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống	2016
2.4 Tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên không khuyết tật chia theo loại trường lớp đang theo học	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống	
2.5 Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo nghề ngắn hạn hoặc trung cấp nghề trở lên theo tình trạng khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và lao động; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật	2016
2.6 Tỷ lệ người khuyết tật từ 5 tuổi trở lên theo trình độ học vấn cao nhất đã được đào tạo	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật; Trình độ học vấn	2016
2.7 Tỷ lệ người không khuyết tật từ 5 tuổi trở lên chia theo trình độ học vấn cao nhất đã được đào tạo	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống; Trình độ học vấn	2016
2.8 Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp tiểu học của người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống	2016
2.9 Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp THCS của người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống	2016
2.10 Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp THPT của người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
2.11 Tỷ lệ nhập chung cấp tiểu học của người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống	2016
2.12 Tỷ lệ nhập chung cấp THCS của người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống	2016
2.13 Tỷ lệ nhập chung cấp THPT của người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo; Nhóm mức sống	2016
3. Y TẾ		
3.1 Tỷ lệ thành viên hộ gia đình bị ốm, bệnh, chấn thương trong vòng 12 tháng qua	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật	2016
3.2 Tỷ lệ người bị ốm, bệnh, chấn thương trong vòng 12 tháng qua chia theo cơ sở y tế đã đến	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Loại cơ sở y tế	2016
3.3 Tỷ lệ người khuyết tật bị ốm, bệnh, chấn thương trong vòng 12 tháng qua chia theo cơ sở y tế đã đến	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật; Loại	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	cơ sở y tế	
3.4 Tỷ lệ người không khuyết tật bị ốm, bệnh, chấn thương trong vòng 12 tháng qua chia theo cơ sở y tế đã đến	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Loại cơ sở y tế	2016
3.5 Tỷ lệ người bị ốm, bệnh, chấn thương trong vòng 12 tháng qua chia theo dịch vụ y tế đã sử dụng	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Loại dịch vụ y tế	2016
3.6 Tỷ lệ người khuyết tật bị ốm, bệnh, chấn thương trong vòng 12 tháng qua chia theo dịch vụ y tế đã sử dụng	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Loại dịch vụ y tế	2016
3.7 Tỷ lệ người không khuyết tật bị ốm, bệnh, chấn thương trong vòng 12 tháng qua chia theo dịch vụ y tế đã sử dụng	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Loại dịch vụ y tế	2016
3.8 Tỷ lệ dân số có bảo hiểm y tế, sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Hộ có trẻ em dưới 16	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	tuổi; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật	
3.9 Tỷ lệ dân số có bảo hiểm y tế, sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí theo loại bảo hiểm	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Loại bảo hiểm	2016
3.10 Tỷ lệ người khuyết tật có bảo hiểm y tế, sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí theo loại bảo hiểm	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo của chủ hộ; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật; Loại bảo hiểm	2016
3.11 Tỷ lệ người không khuyết tật có bảo hiểm y tế, sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí theo loại bảo hiểm	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và Lao động; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo của chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Nhóm mức sống; Loại bảo hiểm	2016
3.12 Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi có bảo hiểm y tế, sổ/thẻ khám bệnh miễn phí	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo của chủ hộ; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật; Trình độ học vấn của mẹ	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
3.13 Tỷ lệ trẻ em 0-17 tuổi có bảo hiểm y tế, sổ/thẻ khám bệnh miễn phí	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo của chủ hộ; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật; Trình độ học vấn của mẹ	2016
4. VIỆC LÀM		
4.1 Tỷ lệ dân số tham gia lực lượng lao động	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
4.2 Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
4.3 Tỷ lệ người lớn khuyết tật đang làm việc trong nền kinh tế chia theo các chức năng (18 tuổi trở lên)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Loại chức năng khuyết tật	2016
4.4 Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có nhu cầu tìm việc trong 30 ngày qua	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
4.5 Dân số từ 15 tuổi trở lên không có việc làm và không có nhu cầu tìm việc trong 30 ngày qua chia theo lý do	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có người khuyết tật; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Lý do không đi làm	
4.6 Người khuyết tật từ 15 tuổi trở lên không có việc làm và không có nhu cầu tìm việc trong 30 ngày qua chia theo lý do	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Lý do ko đi làm	2016
4.7 Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên sẵn sàng làm việc hoặc tìm việc nếu được đáp ứng ít nhất một yêu cầu	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
4.8 Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên không làm việc 7 ngày qua nhưng có làm việc trong 6 tháng qua	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
4.9 Tỷ số người khuyết tật trong độ tuổi lao động có làm việc so với tổng dân số trong độ tuổi lao động có việc làm theo nhóm tuổi	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
5. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÀ THAM GIA HÒA NHẬP XÃ HỘI		
5.1 Tỷ lệ trẻ em bị khuyết tật có sách, truyện tranh dành cho trẻ em (tính cho trẻ từ 2 đến 5 tuổi)	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Vùng KT-XH; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo của chủ hộ; Loại khuyết tật	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
5.2 Tỷ lệ trẻ em bị khuyết tật có đồ chơi dành cho trẻ em (tính cho trẻ từ 2 đến 5 tuổi)	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Vùng KT-XH; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo của chủ hộ; Loại khuyết tật	2016
5.3 Tỷ lệ trẻ em bị khuyết tật có sách, truyện tranh và đồ chơi dành cho trẻ em (tính cho trẻ từ 2 đến 5 tuổi)	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Vùng KT-XH; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo của chủ hộ; Loại khuyết tật	2016
5.4 Tỷ lệ người khuyết tật có truy cập Internet (tính cho người từ 6 tuổi trở lên trong 30 ngày qua)	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo của chủ hộ; Loại khuyết tật	2016
5.5 Tỷ lệ dân số từ 6 tuổi trở lên có điện thoại di động theo tình trạng khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo của chủ hộ; Loại khuyết tật	2016
5.6 Tỷ lệ dân số từ 6 tuổi trở lên có truy cập Internet và có điện thoại di động	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo của chủ hộ; Loại khuyết tật	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
5.7 Tỷ lệ dân số từ 6 tuổi trở lên có truy cập Internet hoặc có điện thoại	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo của chủ hộ; Loại khuyết tật	2016
5.8 Tỷ lệ người khuyết tật tham gia các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nghề nghiệp (tính cho người từ 15 tuổi trở lên)	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo của chủ hộ; Loại khuyết tật	2016
5.9 Tỷ lệ người khuyết tật tham gia vào các câu lạc bộ sinh hoạt cộng đồng (tính cho người từ 15 tuổi trở lên)	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và lao động; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo của chủ hộ; Loại khuyết tật	2016
6. BẢO TRỢ XÃ HỘI		
6.1 Tỷ lệ dân số nhận được trợ cấp hàng tháng	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Quy mô hộ; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
6.2 Trợ cấp bình quân 1 người 1 tháng	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Nhóm tuổi	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
6.3 Cơ cấu người được nhận trợ cấp theo loại trợ cấp	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	2016
6.4 Tỷ lệ người nhận được trợ cấp khác ngoài trợ cấp hàng tháng	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Nhóm tuổi	2016
6.5 Tỷ lệ người khuyết tật được hưởng lợi từ các chương trình trợ giúp xã hội	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm mức sống; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Giới tính; Dân tộc; Nhóm tuổi	2016
6.6 Tỷ lệ người có nhu cầu trợ giúp pháp lý trong 12 tháng qua	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Nhóm tuổi	2016
6.7 Tỷ lệ người có nhu cầu và được trợ giúp pháp lý trong 12 tháng qua	Thành thị/Nông thôn; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
7. XÁC NHẬN KHUYẾT TẬT		
7.1 Tỷ lệ người khuyết tật có chứng nhận khuyết tật theo tình trạng khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc và lao động; Quy hộ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật	2016
7.2 Tỷ lệ người có chứng nhận khuyết tật được xác định là khuyết tật thông qua bảng hỏi sàng lọc khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Dân tộc; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật	2016
7.3 Tỷ lệ dân số dưới 65 tuổi có chứng nhận khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	vấn; Nhóm tuổi; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật	
7.4 Tỷ lệ dân số có chứng nhận khuyết tật theo dạng tật ghi trong hồ sơ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật	2016
7.5 Tỷ lệ dân số có chứng nhận khuyết tật theo mức độ khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Mức độ khuyết tật	2016
7.6 Tỷ lệ dân số có chứng nhận khuyết tật theo nguyên nhân khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Nguyên nhân khuyết tật	2016
7.7 Tỷ lệ dân số gặp vấn đề sức khỏe và cần giúp đỡ trong sinh hoạt hàng ngày	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Nhóm mức sống; Loại khuyết tật	2016
7.8 Tỷ lệ dân số gặp vấn đề sức khỏe và nhận được giúp đỡ trong sinh hoạt hàng ngày theo người giúp đỡ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính; Trình độ học	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	vấn; Nhóm tuổi; Nhóm tuổi phụ thuộc; Quy mô hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Nhóm mức sống; Nhóm người giúp đỡ	
8. NHÀ Ở, ĐỒ DÙNG LÂU BỀN VÀ MỨC SỐNG		
8.1 Diện tích ở bình quân đầu người	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.2 Tỷ lệ dân số sống trong nhà kiên cố	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.3 Tỷ lệ hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.4 Tỷ lệ dân số sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	dưới 18 tuổi	
8.5 Tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.6 Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.7 Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch và hố xí hợp vệ sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.8 Tỷ lệ hộ có người khuyết tật sở hữu phương tiện dành cho người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.9 Tỷ lệ hộ thuộc diện nghèo theo phân loại của địa phương năm 2015	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	chủ hộ; Dân tộc; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	
8.10 Tỷ lệ hộ thuộc diện nghèo theo phân loại của địa phương năm 2016	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.11 Tỷ lệ hộ có thuê bao cáp internet	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.12 Tỷ lệ hộ sử dụng điện thoại di động	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.13 Tỷ lệ dân số sống trong hộ có thuê bao cáp internet	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.14 Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	
8.15 Tỷ lệ dân số sử dụng điện lưới quốc gia	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.16 Tỷ lệ dân số sống trong hộ có máy thu thanh/radio	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.17 Tỷ lệ dân số sống trong hộ có tivi	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
8.18 Tỷ lệ dân số sống trong hộ có điện thoại cố định	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
8.19 Tỷ lệ dân số sống trong hộ có máy vi tính	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính chủ hộ; Trình độ chuyên môn chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Dân tộc; Hộ nghèo theo địa phương; Nhóm mức sống; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi	2016
9. THÁI ĐỘ CỦA THÀNH VIÊN HỘ GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT		
9.1 Tỷ lệ người trả lời đồng ý với quan điểm nên cho trẻ ở nhà trong các tình huống giả định	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính người trả lời; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi người trả lời; Quy mô hộ; Dân tộc của người trả lời; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Nhóm mức sống; Hộ có người khuyết tật; Hộ có trẻ em khuyết tật	2016
9.2 Quan điểm của người trả lời về trường/ lớp mà trẻ khuyết tật nên theo học	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính người trả lời; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi người trả lời; Quy mô hộ; Dân tộc của người trả lời; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Hộ có trẻ em dưới 18 tuổi; Nhóm mức sống; Hộ có người khuyết tật; Hộ có trẻ em khuyết tật	2016
9.3 Quan điểm của người trả lời về thuê lao động khuyết tật của người sử dụng lao động	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính người trả lời; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi người trả lời; Quy mô hộ; Dân	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	tộc của người trả lời; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Nhóm mức sống; Hộ có người khuyết tật	
9.4 Tỷ lệ người trả lời bày tỏ quan điểm việc người khuyết tật nên sống trong hộ hay trong cơ sở bảo trợ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính người trả lời; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi người trả lời; Quy mô hộ; Dân tộc của người trả lời; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Nhóm mức sống; Hộ có người khuyết tật	2016
9.5 Quan điểm của người trả lời về việc kết hôn của người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Giới tính người trả lời; Trình độ học vấn; Nhóm tuổi người trả lời; Quy mô hộ; Dân tộc của người trả lời; Hộ nghèo theo địa phương; Tôn giáo chủ hộ; Nhóm mức sống; Hộ có người khuyết tật	2016
9.6 Người khuyết tật thường trú tại cơ sở chăm sóc người khuyết tật	Giới tính; Nhóm tuổi; Mức độ khuyết tật; Dạng khuyết tật; Nguyên nhân khuyết tật; Thời gian ở tại cơ sở bảo trợ	2016
10. THÔNG TIN XÃ, PHƯỜNG		
10.1 Tỷ lệ chi ngân sách xã, phường năm 2015 cho hoạt động bảo trợ xã hội và cho các chương trình về người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã	2016
10.2 Cơ cấu người được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng của xã, phường	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã	2016
10.3 Cơ cấu người khuyết tật tại xã, phường theo dạng tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã; Loại khuyết	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	tật	
10.4 Cơ cấu người khuyết tật tại xã, phường theo mức độ khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã; Mức độ khuyết tật	2016
10.5 Số hộ có thành viên là người khuyết tật của xã, phường	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã	2016
10.6 Tỷ lệ xã, phường triển khai thực hiện Luật NKT và thực hiện các hoạt động khác liên quan đến NKT	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã	2016
10.7 Xã, phường có các vụ vi phạm quyền của người khuyết tật và số lượt người khuyết tật được trợ giúp pháp lý bình quân năm 2016	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã	2016
10.8 Tỷ lệ xã có trụ sở UBND có thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn tiếp cận cho người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã	2016
10.9 Số người khuyết tật được học nghề, được giới thiệu tư vấn việc làm và số người khuyết tật có việc làm bình quân xã năm 2016	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã	2016
10.10 Số người có giấy chứng nhận khuyết tật và số người khuyết tật được cấp sổ/thẻ/khám chữa bệnh miễn phí bình quân xã, phường	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã	2016
10.11 Số tổ chức/hội/chi hội của người khuyết tật đang hoạt động bình quân 1 xã, phường và số người khuyết tật bình quân tham gia tổ chức/hội/chi hội của người khuyết tật, vì người khuyết tật tại xã	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Loại hình xã	2016
11. THÔNG TIN TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG		
11.1 Cán bộ chuyên môn của trạm y tế xã, phường	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH	2016
11.2 Trạm y tế xã, phường sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, máy phát điện, máy tính kết nối internet	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH	2016
11.3 Tỷ lệ trạm y tế xã, phường có thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn tiếp cận cho người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH	2016
11.4 Hoạt động khám bệnh và điều trị tại trạm y tế	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH	2016

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
11.5 Người khuyết tật tại xã, phường tham gia chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; trạm y tế triển khai các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH	2016
12. THÔNG TIN TRƯỜNG HỌC TIỂU HỌC VÀ THCS		
12.1 Số giáo viên, học sinh bình quân 1 trường; Tỷ lệ giáo viên được đào tạo giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Cấp học; Loại hình	2016
12.2 Tỷ lệ trường học (Tiểu học và THCS) có thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn tiếp cận cho học sinh khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Cấp học; Loại hình	2016
12.3 Số giáo viên/ tỷ lệ giáo viên được đào tạo về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật và số học sinh khuyết tật bình quân 1 trường	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Cấp học	2016
12.4 Cơ cấu học sinh khuyết tật phân theo loại khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Cấp học	2016
12.5 Số lớp học bình quân trường và số lớp học có học sinh khuyết tật bình quân 1 trường	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Cấp học	2016
12.6 Cơ cấu lớp học có học sinh khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Cấp học	2016
12.7 Tỷ lệ trường gặp những khó khăn trong việc tổ chức giáo dục cho học sinh khuyết tật	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Cấp học	2016
12.8 Tỷ lệ trường hỗ trợ cho học sinh khuyết tật theo các loại hình thức	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Cấp học	2016
13. THÔNG TIN THU THẬP TẠI CÁC CƠ SỞ CHĂM SÓC NKT		
13 Người khuyết tật tại cơ sở chăm sóc người khuyết tật	Giới tính; Nhóm tuổi; Mức độ khuyết tật; Dạng khuyết tật	2016